

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Cao Thị Phương Trang;

- Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **348/2024/TLST-HNGĐ** ngày 21 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **213/2024/QĐXXST-HNGĐ** ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số **127/2024/QĐST-HNGĐ** ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ H, khóm N, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; Có mặt.

Bị đơn: Ông Phù Văn S, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ H, khóm N, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc H trình bày:

Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông S được hình thành là do mai mối, sau thời gian tìm hiểu được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2008, nhưng đến ngày 21/7/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống riêng ở nhà tại địa chỉ tổ H, khóm N, thị trấn B, huyện T.

Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông S không quan tâm đến gia đình, khi vợ chồng cự cãi thì bỏ nhà ra đi, ông S thường xuyên bỏ đi nhiều lần 1-2 năm mới về nhà 01 lần, ngoài ra ông S còn có quan hệ với người phụ nữ khác, từ tháng 4/2024 ông S bỏ đi không về, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nay yêu cầu xin ly hôn với ông Phù Văn S.

Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông S có 01 (một) con chung tên Lâm Phước C, sinh ngày 01/3/2012 (do không đăng ký kết hôn nên trong giấy khai sinh của con chung không có họ tên cha và phải lấy họ mẹ). Bà H yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phù Văn S nhưng ông S không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà nguyên đơn bà H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Trong thời gian chung sống, bà H và ông S thường phát sinh mâu thuẫn do ông S thường bỏ nhà đi và hiện nay không còn chung sống với nhau. Ngoài ra, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nhận thấy ông S không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, cũng như không muốn hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng, nên nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông S là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà H có yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông S; bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Phước C, sinh ngày 01/3/2012, buộc ông S cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phù Văn S, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông S cư trú tại huyện T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn ông S đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận số 92 ngày 21/7/2015 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Qua xác minh tại nơi cư trú, bà H và ông S đã chung sống với nhau từ năm 2007, đến năm 2012 thì vợ chồng có con chung tên Lâm Phước C, sau khi có con vợ chồng mới đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, ông S thường bỏ đi, sau thời gian có về địa phương. Hiện con chung đang sống với bà H.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà N và ông P đã không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2021 đến nay, do ông S không lo cho vợ con mà còn có quan hệ với người phụ nữ khác nên thường xuyên bỏ nhà đi, bên cạnh đó, ông S biết được bà H khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhưng vẫn không đến để hòa giải, hàn gắn. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà H, ông S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H khởi kiện

yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[2] Về con chung: Bà H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có một con chung tên Lâm Phước C, sinh ngày 01/3/2012. Hiện cháu đang sống với bà H và bà yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu C đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu C, cháu có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ (bà H) khi cha mẹ ly hôn, do đó Hội đồng xét xử giao cháu C cho bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, trong quá trình chuẩn bị xét xử bà H không yêu cầu nhưng tại phiên tòa do bà H yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, bà H không có người thân, hàng ngày bà làm thuê lột vỏ tỏi với thu nhập 40.000 đồng/ngày, với mức thu nhập này thì không đảm bảo cho cuộc sống cho con chung, hiện con chung đang trong độ tuổi phát triển và đang đi học (lớp 7), nên cần phải có chi phí sinh hoạt, chi phí học tập, do đó yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Phù Văn S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Ngọc H được ly hôn với ông Phù Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 21/7/2015 do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang cấp cho bà Lâm Thị Ngọc H và ông Phù Văn S không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Lâm Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Phước C, sinh ngày 01/3/2012. Ông Phù Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là một nửa tháng lương tối thiểu vùng là 1.725.000 đồng/tháng cho đến khi cháu C trưởng thành có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2025.

Bà Lâm Thị Ngọc H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phù Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012746 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tri Tôn; bà Lâm Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

Ông Phù Văn S phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo của bà Lâm Thị Ngọc H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phù Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.